

Số: 21 /2020/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 03 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng
cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ
Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí
dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định mức chi cho công tác đào
tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức chi cho công
tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.
Bãi bỏ các Điều 7, 8, 9, 10; Mục II Chương II của Quy định chính sách hỗ trợ
cán bộ, công chức, viên chức đi học và chính sách thu hút những người có trình
độ cao trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định số
32/2012/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện
Biên và khoản 1 Điều 10 Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của
các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên ban hành kèm theo Quyết định
số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị được nhà nước giao biên chế, số lượng người làm việc; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên;
- Các Ban Đảng tỉnh: Ban Tổ chức, Ban Dân vận, Ban Nội chính, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng HĐND tỉnh;
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ; Trường Chính trị tỉnh;
- Lưu VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

Mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 21 /2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
2. Những nội dung về mức chi cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.
3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cùng tính chất trong cùng một thời điểm thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất.
- 4 Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/ Dự án đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ trong các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; ở huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện). Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);
2. Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh; cấp huyện; công chức cấp xã;
3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, đội, khối, tổ dân phố ở xã, phường, thị trấn;
4. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;
5. Những người được tuyển dụng, tiếp nhận theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội có tính chất đặc thù.

Sau đây các đối tượng tại khoản 1, 2 và 3 gọi chung là cán bộ, công chức; các đối tượng tại khoản 4 gọi là viên chức.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỨC CHI CHO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Điều 3. Mức chi đào tạo cán bộ, công chức trong nước

1. Chi phí dịch vụ đào tạo và các chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo: Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết.

2. Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc: Cán bộ, công chức được cử đi đào tạo được hỗ trợ kinh phí mua tài liệu bắt buộc của cơ sở đào tạo (không bao gồm tài liệu tham khảo) trên cơ sở chứng từ, hóa đơn hợp pháp, cụ thể:

a) Cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện được hỗ trợ 70% kinh phí mua tài liệu.

b) Cán bộ, công chức cấp xã được hỗ trợ 100% kinh phí mua tài liệu.

3. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung (chỉ tính đối với các lớp có thời gian học tập trung liên tục từ 10 ngày/tháng trở lên theo lịch học của cơ sở đào tạo).

a) Đối với các lớp tổ chức ở trong tỉnh (có khoảng cách từ cơ quan đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên đối với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 20 km trở lên với các địa bàn còn lại): mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.200.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các lớp tổ chức ở ngoài tỉnh: mức hỗ trợ 60.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng.

4. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết)

a) Đối với các lớp học có thời gian học dưới 01 năm (có khoảng cách từ cơ quan đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên đối với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 20 km trở lên với các địa bàn còn lại): Hỗ trợ 01 lần tiền vé xe khách, tiền vé tàu hỏa đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (gồm lượt đi và về).

b) Đối với các lớp học có thời gian từ 01 năm trở lên (có khoảng cách từ cơ quan đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên đối với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 20 km trở lên với các địa bàn còn lại): Mỗi năm được hỗ trợ 02 lần tiền vé xe khách, tiền vé tàu hỏa đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (mỗi lần gồm lượt đi và về).

Trường hợp tuyến đường không có phương tiện công cộng xe khách, xe buýt, tàu hỏa thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện cá nhân bằng 0,15 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi học.

5. Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ; thời gian học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo từ 15 ngày/tháng trở lên).

a) Đối với các lớp tổ chức ở trong tỉnh: Mức thanh toán tối đa 300.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các lớp tổ chức ở ngoài tỉnh: Mức thanh toán tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

c) Đối với các lớp học tập trung liên tục mà thời gian học trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) dưới 15 ngày thì được tính tiền thanh toán thuê chỗ nghỉ là $\frac{1}{2}$ tháng và thời gian học trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) từ 15 ngày trở lên thì được tính tiền thanh toán thuê chỗ nghỉ là 01 tháng.

6. Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

a) Đối với các lớp học có thời gian học tập trung dưới 01 tháng: mức hỗ trợ 20.000 đồng/người/ngày (hỗ trợ tối đa không vượt quá mức hỗ trợ áp dụng cho 01 tháng của các lớp đào tạo trên 01 tháng tại điểm b khoản này).

b) Đối với các lớp học có thời gian học tập trung từ 01 tháng trở lên: mức hỗ trợ 400.000 đồng/tháng. Trường hợp các lớp mà thời gian học tập trung trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) dưới 15 ngày thì được tính hỗ trợ là $\frac{1}{2}$ tháng và thời gian học tập trung trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) từ 15 ngày trở lên thì được tính hỗ trợ là 01 tháng.

7. Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này không được hưởng các mức hỗ trợ cho công tác đào tạo được quy định tại Điều này.

Điều 4. Mức chi bồi dưỡng cán bộ, công chức trong nước và thù lao giảng viên

1. Chi thù lao giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên (một buổi giảng được tính bằng 04 tiết học)

Tuỳ theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (*bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng*) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao, cụ thể:

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: Mức chi thù lao 2.000.000 đồng/người/buổi.

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh

tương tương; Giáo sư; Chuyên gia cao cấp; Giảng viên cao cấp; Tiến sĩ khoa học; Mức chi thù lao: 1.500.000 đồng/người/buổi.

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ; Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ; Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương; Phó Giáo sư; Tiến sĩ; Chuyên viên cao cấp; Mức chi thù lao: 1.100.000 đồng/người/buổi.

d) Giảng viên, báo cáo viên là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các sở, ban, ngành và tương đương, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể cấp tỉnh; Bí thư, Phó Bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; Giảng viên chính; Mức chi thù lao: 900.000 đồng/người/buổi.

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi thù lao: 700.000 đồng/người/buổi.

e) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị từ cấp huyện trở xuống (ngoài các đối tượng nêu trên): Mức chi thù lao: 500.000 đồng/người/buổi.

g) Đối với trợ giảng (nếu có): Mức chi thù lao bằng 30% mức chi thù lao của giảng viên, báo cáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy.

h) Giảng viên nước ngoài; giảng viên chuyên nghiệp làm nhiệm vụ giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Mức chi thù lao thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

i) Đối với giảng viên, báo cáo viên tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này nếu giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được hưởng thù lao mức cao nhất tương ứng với chức danh, chức vụ.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên; chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên (trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên): Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú và chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên theo quy định về chế độ công tác phí tại Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 02 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Chi nước uống phục vụ lớp học: 10.000 đồng/người/ngày.

4. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung (chỉ tính đối với các lớp có thời gian học tập trung liên tục từ 03 ngày trở lên theo lịch học của cơ sở bồi dưỡng).

a) Đối với các lớp tổ chức ở trong tỉnh (có khoảng cách từ cơ quan đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên đối với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 20 km trở lên với các địa bàn còn lại): mức hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.200.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các lớp tổ chức ở ngoài tỉnh: mức hỗ trợ 60.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng.

5. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (có khoảng cách từ cơ quan đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên đối với địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và 20 km trở lên với các địa bàn còn lại): Hỗ trợ 01 lần tiền vé xe, tiền vé tàu hỏa đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (gồm lượt đi và về). Trường hợp tuyến đường không có phương tiện công cộng xe khách, xe buýt, tàu hỏa thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện cá nhân bằng 0,15 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi học.

6. Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ; thời gian học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo từ 15 ngày/tháng trở lên).

a) Đối với các lớp tổ chức ở trong tỉnh: Mức thanh toán tối đa 300.000 đồng/người/tháng.

b) Đối với các lớp tổ chức ở ngoài tỉnh: Mức thanh toán tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

c. Đối với các lớp học tập trung liên tục mà thời gian học trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) dưới 15 ngày thì được tính tiền thanh toán thuê chỗ nghỉ là $\frac{1}{2}$ tháng và thời gian học trong tháng (*tính từ tháng thứ 2 trở đi*) từ 15 ngày trở lên thì được tính tiền thanh toán thuê chỗ nghỉ là 01 tháng.

7. Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức chi theo khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

8. Chi dịch thuật.

Thực hiện mức chi dịch thuật theo Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

9. Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng.

Thực hiện theo Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào

tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

10. Đối với các khoản chi khác như chi ra đề thi, coi thi, chấm thi; chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc; các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học; chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng; chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 5. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức

1. Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này; Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình, cụ thể:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên thì cân đối trong nguồn thu và kinh phí được cấp để thực hiện theo quy định như mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động: Thủ trưởng đơn vị sẽ tự quyết định mức chi hỗ trợ cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức nhưng không được thấp hơn mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức được quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy định này và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

2. Chi hỗ trợ đối với viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức chi theo khoản 6 Điều 3 của Quy định này.

Điều 6. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài

Căn cứ nội dung chi cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở nước ngoài quy định tại Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chi theo Đề án đã được cấp có thẩm quyền quyết định và sử dụng từ nguồn ngân sách đào tạo, bồi dưỡng hàng năm để thực hiện.

Điều 7. Mức chi bồi dưỡng cho các đối tượng trong biên chế hội đặc thù

Những người được tuyển dụng, tiếp nhận theo chỉ tiêu biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội có tính chất đặc thù thì chỉ được hưởng các chế độ bồi dưỡng (không hưởng chế độ đào tạo) mức chi theo khoản 4, 5, 6, 7 Điều 4 Quy định này từ nguồn khoán kinh phí của các cơ quan, đơn vị và đóng góp của cá nhân (không lập dự toán đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước).

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức: Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn kinh phí bồi dưỡng cho các đối tượng thuộc chỉ tiêu biên chế tại các Hội có tính chất đặc thù được đảm bảo từ nguồn kinh phí hoạt động của Hội, đóng góp của cá nhân, các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2020 đã mở lớp nhưng chưa kết thúc lớp bồi dưỡng hoặc đã thực hiện xong thủ tục ký kết với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng theo nguồn kinh phí được giao hoặc cán bộ, công chức, viên chức đã được cử đi bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của năm 2020 nhưng chưa kết thúc khóa học trước ngày 01 tháng 8 năm 2020 thì được tiếp tục hưởng các chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi học theo Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ngày 26 tháng 12 năm 2012.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn